

TW 12

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2024/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2024

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: 5
Ngày: 14.15.2024

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về hoạt động thông tin cơ sở

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Quảng cáo ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật An ninh mạng ngày 12 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở ngày 10 tháng 11 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động thông tin cơ sở.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động thông tin cơ sở; trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động thông tin cơ sở; quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thông tin cơ sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động thông tin cơ sở.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thông tin cơ sở là thông tin thiết yếu được truyền tải trực tiếp đến người dân thông qua các loại hình thông tin: đài truyền thanh cấp xã; bảng tin công cộng; bản tin thông tin cơ sở; tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở; tuyên truyền trực tiếp qua tuyên truyền viên cơ sở; công hoặc trang thông tin điện tử; mạng xã hội; ứng dụng nhắn tin trên Internet; tin nhắn viễn thông.

2. Hoạt động thông tin cơ sở là hoạt động cung cấp thông tin thiết yếu; tiếp nhận thông tin phản ánh và thông tin nội dung trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đối với thông tin phản ánh của người dân thông qua các loại hình thông tin quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ứng dụng nhắn tin trên Internet là dịch vụ nhắn tin trên các nền tảng, phần mềm truy cập trên Internet.

4. Tin nhắn viễn thông là dịch vụ nhắn tin trên mạng viễn thông di động mặt đất (mạng thông tin di động).

5. Hoạt động thông tin cơ sở của cấp huyện là hoạt động do đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện hoặc bộ phận chuyên biệt làm công tác thông tin cơ sở thuộc Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa hoặc Trung tâm có tên gọi khác của cấp huyện thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định này.

6. Hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở trung ương là hệ thống cung cấp thông tin nguồn cho hoạt động thông tin cơ sở; thu thập, tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước trên phạm vi toàn quốc.

7. Hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở cấp tỉnh là hệ thống cung cấp thông tin nguồn cho hoạt động thông tin cơ sở; thu thập, tổng hợp, phân tích, quản lý dữ liệu, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở phục vụ công tác quản lý nhà nước trên địa bàn cấp tỉnh.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thông tin cơ sở

1. Thông tin kịp thời, chính xác, công khai, minh bạch, phù hợp với trình độ, nhu cầu của người dân ở từng vùng, miền, đặc biệt là người dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo.
2. Phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương.
3. Bảo đảm thực hiện nhiệm vụ truyền thông chính sách của Đảng, Nhà nước, cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân.
4. Người dân được bảo đảm và bình đẳng, không bị phân biệt đối xử trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin.
5. Tôn trọng ý kiến đóng góp của người dân; tiếp nhận thông tin phản ánh và thông tin nội dung trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đối với thông tin phản ánh của người dân.
6. Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ bí mật nhà nước, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về phát triển thông tin cơ sở

1. Nhà nước bảo đảm nguồn lực cần thiết cho hoạt động thông tin cơ sở.
2. Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ tuyên truyền, kỹ năng sử dụng thiết bị kỹ thuật, công nghệ, kỹ năng chuyển đổi số trong hoạt động thông tin cơ sở cho người tham gia hoạt động thông tin cơ sở.

Điều 6. Thông tin thiết yếu của thông tin cơ sở

1. Thông tin về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của cấp ủy, chính quyền địa phương, những sự kiện quan trọng liên quan đến người dân ở địa phương.
2. Những thông tin liên quan đến người dân ở địa phương:
 - a) Thông tin về dự án, chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, an sinh xã hội ở địa phương;
 - b) Thông tin liên quan đến chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và kiến thức khoa học, kỹ thuật, công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;
 - c) Thông tin liên quan đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và công tác quân sự ở địa phương;

d) Thông tin về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn; hỏa hoạn; cấp cứu, dịch bệnh; thảm họa xảy ra ở địa phương hoặc có ảnh hưởng đến địa phương;

đ) Thông tin về gương người tốt, việc tốt, nhân tố mới, điển hình tiên tiến trong các lĩnh vực;

e) Thông tin các biện pháp đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật và các hiện tượng tiêu cực trong xã hội;

g) Thông tin sản phẩm, dịch vụ cần thiết phục vụ sản xuất và đời sống của người dân ở địa phương.

3. Những thông tin khác theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin và quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Chương II **HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN CƠ SỞ**

Mục 1 **ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP XÃ**

Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã đối với đài truyền thanh cấp xã

1. Đài truyền thanh cấp xã là phương tiện thông tin, tuyên truyền được thiết lập theo đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn để thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền do Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Ban hành Quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã phù hợp với đặc điểm sinh hoạt của người dân ở địa phương;

b) Bố trí nhân sự vận hành hoạt động đài truyền thanh là công chức văn hóa - xã hội hoặc người hoạt động không chuyên trách cấp xã; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tuyên truyền, kỹ năng sử dụng thiết bị kỹ thuật, công nghệ truyền thanh đối với nhân sự vận hành hoạt động đài truyền thanh;

c) Bố trí cơ sở vật chất, thiết bị kỹ thuật, công nghệ và các điều kiện cần thiết đáp ứng hoạt động của đài truyền thanh; kinh phí duy trì hoạt động thường xuyên của đài truyền thanh; chi trả nhuận bút, thù lao đối với sản phẩm truyền thông nêu tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này theo quy định về nhuận bút, thù lao do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Điều 8. Nội dung hoạt động của đài truyền thanh cấp xã

1. Cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số tại địa phương.
2. Thông tin nội dung trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đối với thông tin phản ánh của người dân phù hợp với tính chất, yêu cầu của nội dung thông tin phát trên đài truyền thanh.

Điều 9. Cách thức và nguyên tắc hoạt động của đài truyền thanh cấp xã

1. Sản xuất và phát các chương trình phát thanh do đài truyền thanh tự sản xuất; phát các thông báo của cấp ủy, chính quyền địa phương.
2. Phát các chương trình phát thanh của cấp huyện sản xuất theo khung giờ, lịch phát sóng định kỳ hoặc trong trường hợp khẩn cấp do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.
3. Phát các chương trình phát thanh tiếp nhận từ hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở trung ương và hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở cấp tỉnh, các chương trình phát thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và của cấp tỉnh theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
4. Căn cứ điều kiện thực tế, đài truyền thanh cấp xã tiếp sóng, phát lại chương trình thời sự và các chương trình phát thanh khác của Đài Tiếng nói Việt Nam, đài phát thanh và truyền hình cấp tỉnh để phục vụ nhu cầu thông tin thiết yếu của người dân.
5. Hoạt động phát thanh thực hiện theo quy định của pháp luật về truyền dẫn, phát sóng phát thanh, quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin.

Điều 10. Trách nhiệm của nhân sự vận hành hoạt động đài truyền thanh cấp xã

1. Vận hành hoạt động đài truyền thanh theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của đài truyền thanh do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành.
2. Viết, biên tập tin, bài và cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân chính xác, kịp thời, dễ nghe, dễ hiểu; nắm vững kỹ thuật, quy trình vận hành máy móc, thiết bị của đài truyền thanh.
3. Tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

Mục 2

BẢNG TIN CÔNG CỘNG

Điều 11. Đối tượng thiết lập và quản lý bảng tin công cộng

1. Bảng tin công cộng bao gồm bảng tin điện tử và bảng tin làm bằng chất liệu khác được cố định tại một địa điểm.

2. Đối tượng thiết lập bảng tin công cộng là cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố.

3. Cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố thiết lập bảng tin công cộng chịu trách nhiệm quản lý, duy trì hoạt động và nội dung thông tin đăng, phát trên bảng tin công cộng.

Điều 12. Điều kiện thiết lập bảng tin công cộng

1. Việc thiết lập bảng tin công cộng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và tuân thủ các quy định về bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, hành lang an toàn giao thông, đê điều, lưới điện quốc gia; không được che khuất đèn tín hiệu giao thông, bảng chỉ dẫn công cộng; không ảnh hưởng đến kiến trúc, cảnh quan; tuân thủ quy hoạch của địa phương.

2. Không dùng âm thanh để truyền tải thông tin đối với bảng tin công cộng đặt ngoài trời.

Điều 13. Nội dung hoạt động của bảng tin công cộng

1. Cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân.

2. Căn cứ điều kiện thực tế, cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố thiết lập bảng tin công cộng có thể phối hợp với doanh nghiệp để đầu tư xây dựng bảng tin công cộng; doanh nghiệp được dành 20% diện tích ở phía dưới cùng của bảng tin công cộng để quảng cáo về biểu trưng, lô-gô, nhãn hiệu hàng hóa. Việc quảng cáo trên bảng tin công cộng thực hiện theo quy định pháp luật về quảng cáo.

Điều 14. Cách thức hoạt động của bảng tin công cộng

1. Bảng tin công cộng truyền tải thông tin bằng chữ viết, hình ảnh.

2. Căn cứ điều kiện thực tế, bản tin điện tử công cộng có tính năng tra cứu thông tin thiết yếu; kết nối với hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở cấp tỉnh theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Mục 3 **BẢN TIN THÔNG TIN CƠ SỞ**

Điều 15. Đối tượng xuất bản bản tin thông tin cơ sở

Đối tượng xuất bản bản tin thông tin cơ sở là cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Điều 16. Nội dung và hình thức hoạt động của bản tin thông tin cơ sở

1. Bản tin thông tin cơ sở được xuất bản định kỳ để cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số tại địa phương, chữ nổi cho người khiếm thị, phù hợp với người dân ở từng vùng, miền, khu vực.

2. Bản tin thông tin cơ sở sau khi được cấp giấy phép xuất bản có thể xuất bản dạng bản in hoặc bản điện tử trên cổng hoặc trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin điện tử khác.

Điều 17. Trách nhiệm của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã xuất bản bản tin thông tin cơ sở

1. Thực hiện các quy định về xuất bản và điều kiện cấp giấy phép xuất bản bản tin theo quy định của pháp luật về báo chí.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin của bản tin thông tin cơ sở.

Mục 4 **TÀI LIỆU KHÔNG KINH DOANH** **PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN CƠ SỞ**

Điều 18. Đối tượng xuất bản tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở

Đối tượng xuất bản tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở là cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Điều 19. Nội dung và hình thức của tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở

1. Tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số tại địa phương, chữ nổi cho người khiếm thị để tuyên truyền, cổ động phục vụ nhiệm vụ chính trị.

2. Tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở được xuất bản theo các hình thức: Sách in, sách chữ nổi, tờ rời, tờ gấp, tranh, ảnh, áp phích, bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách.

3. Tài liệu không kinh doanh xuất bản dạng điện tử được đăng, phát trên bảng tin điện tử công cộng, cổng hoặc trang thông tin điện tử, mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet và các phương tiện thông tin điện tử khác theo quy định của pháp luật về thông tin điện tử và pháp luật có liên quan.

Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã xuất bản tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở

1. Thực hiện xuất bản tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở theo quy định của pháp luật về xuất bản.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin của tài liệu không kinh doanh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở.

Mục 5

TUYÊN TRUYỀN TRỰC TIẾP QUA TUYÊN TRUYỀN VIÊN CƠ SỞ

Điều 21. Tuyên truyền viên cơ sở và trách nhiệm của tuyên truyền viên cơ sở

1. Tuyên truyền viên cơ sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố gồm: Bí thư chi bộ, Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng Ban công tác Mặt trận.

2. Tuyên truyền viên cơ sở cần đáp ứng những yêu cầu cơ bản sau:

a) Có phẩm chất chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng; chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức, lối sống tốt; có uy tín trong công tác; không trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên theo quy định của pháp luật;

b) Có khả năng truyền đạt thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời đến người dân và tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân; sử dụng thông thạo ngôn ngữ nói bằng tiếng Việt hoặc tiếng dân tộc thiểu số tại địa phương;

c) Thông thạo địa bàn; nắm vững phong tục, tập quán sinh hoạt, trình độ và nhu cầu thông tin của người dân ở địa phương.

3. Tuyên truyền viên cơ sở có trách nhiệm:

a) Tuyên truyền, vận động người dân theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Truyền đạt đầy đủ, chính xác, kịp thời nội dung thông tin, tuyên truyền trực tiếp đến người dân;

c) Tiếp nhận thông tin phản ánh của người dân, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để giải quyết hoặc chuyển cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.

Điều 22. Nội dung hoạt động của tuyên truyền viên cơ sở

1. Cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân.

2. Thông tin nội dung trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thông qua công tác tuyên truyền, vận động người dân.

Điều 23. Cách thức và nguyên tắc hoạt động của tuyên truyền viên cơ sở

1. Trực tiếp tuyên truyền, phổ biến thông tin thiết yếu và vận động người dân chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của cấp ủy, chính quyền địa phương.

2. Hình thức, quy mô, thời gian, địa điểm thực hiện công tác tuyên truyền, vận động phải bảo đảm hiệu quả, phù hợp với đặc điểm sinh hoạt của người dân ở địa phương.

Điều 24. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Lựa chọn và công nhận tuyên truyền viên cơ sở đáp ứng những yêu cầu cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định này.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tuyên truyền đối với đội ngũ tuyên truyền viên cơ sở.

3. Bố trí kinh phí chi trả thù lao theo quy định về nhuận bút, thù lao do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành và các điều kiện cần thiết để tuyên truyền viên cơ sở hoạt động.

Mục 6

TUYÊN TRUYỀN TRÊN CÔNG HOẶC TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

Điều 25. Đối tượng thực hiện hoạt động tuyên truyền thông tin thiết yếu trên cổng hoặc trang thông tin điện tử

Đối tượng thực hiện hoạt động tuyên truyền thông tin thiết yếu đến người dân trên cổng hoặc trang thông tin điện tử là cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Điều 26. Nội dung và hình thức thực hiện hoạt động tuyên truyền thông tin thiết yếu trên cổng hoặc trang thông tin điện tử

1. Cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân.
2. Thông tin nội dung trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đối với thông tin phản ánh của người dân.
3. Thực hiện tuyên truyền bằng hình thức tin, bài, ảnh, video clip, đồ họa thông tin và các hình thức phù hợp khác.

Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện hoạt động tuyên truyền thông tin thiết yếu trên cổng hoặc trang thông tin điện tử

1. Quản lý và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin trên cổng hoặc trang thông tin điện tử theo quy định của pháp luật về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.
2. Giải quyết hoặc chuyển đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết các thông tin phản ánh của người dân trên cổng hoặc trang thông tin điện tử.

Mục 7

TUYÊN TRUYỀN QUA MẠNG XÃ HỘI VÀ ỨNG DỤNG NHẮN TIN TRÊN INTERNET

Điều 28. Đối tượng thực hiện hoạt động tuyên truyền thông tin thiết yếu qua mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet

Đối tượng thực hiện hoạt động tuyên truyền thông tin thiết yếu đến người dân qua mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet là cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố.

Điều 29. Nội dung tuyên truyền thông tin thiết yếu qua mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet

1. Cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân.
2. Thông tin nội dung trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đối với thông tin phản ánh của người dân.
3. Trao đổi, chia sẻ thông tin thiết yếu phù hợp với yêu cầu tiếp nhận thông tin của người dân; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố, tuân thủ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Điều 30. Trách nhiệm của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã và thôn, tổ dân phố thực hiện hoạt động tuyên truyền thông tin thiết yếu qua mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet

1. Lựa chọn mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet phù hợp và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin cung cấp, phổ biến, trao đổi, chia sẻ qua mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet theo quy định của pháp luật về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet, thông tin trên mạng xã hội và quy định của pháp luật về viễn thông.
2. Xây dựng quy trình tiếp nhận thông tin phản ánh và thông tin nội dung trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đối với thông tin phản ánh của người dân qua mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet.
3. Sử dụng tên hiệu thật của cơ quan, tổ chức, thôn, tổ dân phố khi cung cấp thông tin qua mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet.
4. Thực hiện biện pháp bảo mật tài khoản sử dụng mạng xã hội, tài khoản ứng dụng nhắn tin trên Internet và thông báo kịp thời tới cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, nhà cung cấp dịch vụ khi tài khoản bị mất quyền kiểm soát, bị giả mạo, lợi dụng và sử dụng vào mục đích không lành mạnh, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Điều 31. Trách nhiệm của người dân khi phản ánh thông tin qua mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet

1. Sử dụng tên, địa chỉ thật của mình khi phản ánh thông tin qua mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet để bảo đảm việc trả lời của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đến đúng người phản ánh thông tin.

2. Chịu trách nhiệm về nội dung thông tin phản ánh qua mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet; thông tin phản ánh phải bảo đảm đúng sự thật.

3. Thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng dịch vụ qua mạng xã hội, ứng dụng nhắn tin trên Internet theo quy định của pháp luật.

Mục 8

TUYÊN TRUYỀN QUA TIN NHẮN VIỄN THÔNG

Điều 32. Đối tượng thực hiện hoạt động tuyên truyền thông tin thiết yếu qua tin nhắn viễn thông

Đối tượng thực hiện hoạt động tuyên truyền thông tin thiết yếu đến người dân qua tin nhắn viễn thông là cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 33. Nội dung và cách thức thực hiện hoạt động tuyên truyền thông tin thiết yếu qua tin nhắn viễn thông

1. Cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân.
2. Việc thông tin, tuyên truyền về phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn và tình trạng khẩn cấp thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ yêu cầu về nội dung, phạm vi tuyên truyền đến người dân để lựa chọn doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ tin nhắn viễn thông theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 34. Trách nhiệm của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện hoạt động tuyên truyền qua tin nhắn viễn thông

1. Cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về nội dung tin nhắn; bảo đảm nội dung tin nhắn phù hợp với định dạng của tin nhắn viễn thông; quyết định đặc tính tập thuê bao cần gửi tin nhắn viễn thông.
2. Người đứng đầu cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương quyết định nội dung, thời lượng tin nhắn tuyên truyền đến các thuê bao viễn thông trong phạm vi cả nước hoặc từng khu vực phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức ở trung ương.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung, thời lượng tin nhắn tuyên truyền đến các thuê bao viễn thông trên phạm vi địa bàn cấp tỉnh.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 35. Trách nhiệm Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan:

a) Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, hướng dẫn tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển và các văn bản quy phạm pháp luật về thông tin cơ sở;

b) Cung cấp thông tin phục vụ hoạt động thông tin cơ sở trên phạm vi cả nước;

c) Phổ biến, giáo dục pháp luật về thông tin cơ sở;

d) Tổ chức hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ về thông tin cơ sở; quản lý hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở trung ương;

đ) Thực hiện hợp tác quốc tế về thông tin cơ sở.

2. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực tham gia hoạt động thông tin cơ sở;

b) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê hoạt động thông tin cơ sở;

c) Tổ chức công tác thi đua, khen thưởng; ban hành quy định, quy chế và tổ chức hội thi, liên hoan, giải thưởng thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở.

3. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động thông tin cơ sở theo chức năng quản lý nhà nước của bộ.

Điều 36. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội

1. Cung cấp thông tin thuộc lĩnh vực phụ trách phục vụ hoạt động thông tin cơ sở.

2. Quản lý nội dung thông tin trên các loại hình thông tin cơ sở do bộ, ngành, cơ quan, tổ chức thiết lập, sử dụng.

Điều 37. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển thông tin cơ sở của địa phương theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy định, quy chế về hoạt động thông tin cơ sở; phổ biến, giáo dục pháp luật về thông tin cơ sở ở địa phương.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp thông tin của cấp tỉnh phục vụ hoạt động thông tin cơ sở ở địa phương.

4. Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định cụ thể về chế độ nhuận bút, thù lao đối với các sản phẩm truyền thông của cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật và nguồn kinh phí của địa phương.

5. Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ về thông tin cơ sở; quản lý hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở cấp tỉnh và kết nối với hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở trung ương theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng đội ngũ nhân lực tham gia hoạt động thông tin cơ sở ở địa phương.

7. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê hoạt động thông tin cơ sở ở địa phương theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

8. Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức hội thi, liên hoan, giải thưởng thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở ở địa phương.

9. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động thông tin cơ sở theo chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 38. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển thông tin cơ sở ở địa phương theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy định, quy chế về hoạt động thông tin cơ sở; phổ biến, giáo dục pháp luật về thông tin cơ sở ở địa phương.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan cung cấp thông tin của cấp huyện phục vụ hoạt động thông tin cơ sở ở địa phương.

4. Quản lý và tổ chức hoạt động các loại hình thông tin cơ sở ở cấp huyện.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê hoạt động thông tin cơ sở của địa phương theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

6. Tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; tổ chức hội thi, liên hoan, giải thưởng thuộc lĩnh vực thông tin cơ sở ở địa phương.

7. Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong hoạt động thông tin cơ sở theo chức năng quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 39. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển thông tin cơ sở ở địa phương theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy định, quy chế về hoạt động thông tin cơ sở; phổ biến, giáo dục pháp luật về thông tin cơ sở ở địa phương.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan cung cấp thông tin của cấp xã phục vụ hoạt động thông tin cơ sở ở địa phương.

4. Quản lý và tổ chức hoạt động các loại hình thông tin cơ sở; ban hành Quy chế hoạt động các loại hình thông tin cơ sở của cấp xã.

5. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, thống kê hoạt động thông tin cơ sở của địa phương theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

6. Tiếp nhận, xử lý thông tin, ý kiến phản ánh của người dân ở cơ sở.

Điều 40. Hoạt động thông tin cơ sở của cấp huyện

1. Sản xuất chương trình phát thanh bằng tiếng Việt, tiếng dân tộc thiểu số tại địa phương để phát trên đài truyền thanh cấp xã.

2. Sản xuất tin, bài, ảnh, video clip, đồ họa thông tin và các hình thức phù hợp khác để cung cấp, phổ biến thông tin thiết yếu đến người dân trên đa phương tiện, đa nền tảng theo quy định của pháp luật.

3. Cộng tác, phối hợp sản xuất tin, bài, ảnh, video clip, chương trình phát thanh, chương trình truyền hình để đăng, phát trên báo, đài cấp tỉnh và trung ương theo quy định của pháp luật.

4. Vận hành hoạt động bảng tin công cộng của cấp huyện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Thực hiện cung cấp thông tin trên hệ thống thông tin nguồn thông tin cơ sở cấp tỉnh theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp

Đài truyền thanh - truyền hình cấp huyện, Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao, Trung tâm Truyền thông và Văn hóa hoặc Trung tâm có tên gọi khác của cấp huyện có hoạt động truyền thanh tiếp tục vận hành hệ thống kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng hiện có để phát sóng, tiếp sóng chương trình phát thanh; không đầu tư, nâng cấp hệ thống kỹ thuật truyền dẫn, phát sóng; chấm dứt hoạt động phát sóng, tiếp sóng chương trình phát thanh trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2024.
2. Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 43. Trách nhiệm hướng dẫn và thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2). 110

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

 *Trần Đức Quang*
Trần Đức Quang